

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Quản trị khách sạn
Môn thi: Thực hành

Đợt thi: Tháng 03/2026

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm TB
					FO	F&B	HKP		
1	001	Võ Hà Ngọc	Hân	CĐKS27N27	63.5	73.0	79.0	71.8	7.18
2	002	Bùi Thị Thanh	Nhung	CĐKS27N37	58.5	56.5	99.0	71.3	7.13
3	003	Trương Văn	Thông	CĐKS28N12	50.5	63.0	79.0	64.2	6.42
4	004	Phạm Thị	Yến	CĐKS29N01	67.0	68.5	79.5	71.7	7.17
5	005	Võ Thị Bích	Hạnh	CĐKS29N13	57.0	42.5	71.5	57.0	5.70
6	006	Phạm Xuân	Cương	CĐKS30N02	39.5	61.0	78.5	59.7	5.97
7	007	Phan Thị Hương	Giang	CĐKS30N02	67.5	77.1	82.0	75.5	7.55
8	008	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Giao	CĐKS30N02	74.5	90.5	89.5	84.8	8.48
9	009	Nguyễn Trọng	Huy	CĐKS30N02	63.0	62.6	62.5	62.7	6.27
10	010	Nguyễn Hoàng	Phúc	CĐKS30N02	60.0	63.5	95.0	72.8	7.28
11	011	Nguyễn Hà	Quy	CĐKS30N02	63.0	79.6	84.0	75.5	7.55
12	012	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyền	CĐKS30N02	55.5	70.5	92.0	72.7	7.27
13	013	Nguyễn Thị Thu	Vân	CĐKS30N02	64.5	51.0	75.5	63.7	6.37
14	014	Phạm Như Ngọc	Vy	CĐKS30N02	54.0	80.0	93.0	75.7	7.57
15	015	Phạm Trường	An	CĐKS30N03	55.5	85.0	98.0	79.5	7.95

Tổng số sinh viên: 15

Vắng mặt: 0

Hiện diện: 15

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Quản trị khách sạn
Môn thi: Thực hành

Đợt thi: Tháng 03/2026

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm TB
					FO	F&B	HKP		
1	016	Nguyễn Vũ Mai	Anh	CĐKS30N03	72.5	79.1	84.0	78.5	7.85
2	017	Lê Nguyễn Thảo	Hiền	CĐKS30N03	74.0	79.6	72.5	75.4	7.54
3	018	Ngô Thị Thanh	Hiền	CĐKS30N03	63.0	72.5	77.5	71.0	7.10
4	019	Võ Thị Ngân	Huệ	CĐKS30N03	39.0	65.0	74.5	59.5	5.95
5	020	Nguyễn Văn	Nhân	CĐKS30N03	63.5	66.5	68.5	66.2	6.62
6	021	Trần Thị Tuyết	Nhi	CĐKS30N03	68.0	61.0	87.0	72.0	7.20
7	022	Phạm Ngọc	Phương	CĐKS30N03	74.5	79.0	90.0	81.2	8.12
8	023	Tô Hoa	Phượng	CĐKS30N03	35.5	65.5	80.5	60.5	6.05
9	024	Nguyễn Thị Tú	Quyên	CĐKS30N03	65.5	81.0	75.0	73.8	7.38
10	025	Phạm Thị Kiều	Sương	CĐKS30N03	36.5	81.5	94.0	70.7	7.07
11	026	Lê Thị Minh	Thư	CĐKS30N03	73.5	86.5	91.5	83.8	8.38
12	027	Lưu Thị Xuân	Trà	CĐKS30N03	65.0	78.1	79.5	74.2	7.42
13	028	Nguyễn Ngọc	Trinh	CĐKS30N03	47.5	83.1	86.0	72.2	7.22
14	029	Đỗ Thị Minh	Tuyền	CĐKS30N03	62.5	73.0	90.5	75.3	7.53
15	030	Nguyễn Ngọc Kim	Tuyền	CĐKS30N03	0.0	73.0	88.5	53.8	5.38

Tổng số sinh viên: 15

Vắng mặt: 0

Hiện diện: 15

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Quản trị khách sạn
Môn thi: Thực hành

Đợt thi: Tháng 03/2026

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm TB
					FO	F&B	HKP		
1	031	Phạm Thành	Danh	CĐKS30N04	26.0	50.5	82.0	52.8	5.28
2	032	Nguyễn Thị Tú	Hào	CĐKS30N04	19.0	46.1	68.5	44.5	4.45
3	033	Võ Quang	Huy	CĐKS30N04	24.0	52.5	66.0	47.5	4.75
4	034	Phan Việt	Ngọc	CĐKS30N04	55.5	43.0	93.0	63.8	6.38
5	035	Hoàng Thị Nguyệt	Nhi	CĐKS30N04	23.5	60.5	85.0	56.3	5.63
6	036	Trần Tịnh Chánh	Phúc	CĐKS30N04	35.5	45.0	72.0	50.8	5.08
7	037	Trần Thị Hiền	Phuong	CĐKS30N04	66.5	55.0	81.5	67.7	6.77
8	038	Dương Ngọc	Quỳnh	CĐKS30N04	27.0	73.5	75.5	58.7	5.87
9	039	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	CĐKS30N04	32.5	23.0	89.0	48.2	4.82
10	040	Nguyễn Đoàn Như	Uyên	CĐKS30N04	52.5	70.1	78.0	66.9	6.69
11	041	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	CĐKS30N05	54.5	76.0	83.5	71.3	7.13
12	042	Huỳnh Phi	Đạt	CĐKS30N05	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00
13	043	Trần Thị Ngọc	Hân	CĐKS30N05	82.5	81.0	77.0	80.2	8.02
14	044	Nguyễn Huỳnh Yến	Huê	CĐKS30N05	78.5	83.5	95.0	85.7	8.57
15	045	Nguyễn Gia	Huệ	CĐKS30N05	68.0	80.5	76.5	75.0	7.50
16	104	Lê Anh	Thư	CĐKS29N08	53.5	80.6	92.0	75.4	7.54
17	105	Phạm Huỳnh Đoàn	Kiên	CĐKS30N04	58.5	32.6	69.5	53.5	5.35

Tổng số sinh viên: 17

Vắng mặt: 01

Hiện diện: 16

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Quản trị khách sạn
Môn thi: Thực hành

Đợt thi: Tháng 03/2026

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm TB
					FO	F&B	HKP		
1	046	Lê Thị Xuân	Kiều	CĐKS30N05	66.5	71.0	90.0	75.8	7.58
2	047	Nguyễn Đăng Khải	Luân	CĐKS30N05	50.0	51.5	61.5	54.3	5.43
3	048	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Mai	CĐKS30N05	60.0	75.0	76.0	70.3	7.03
4	049	Lê Ngọc Kim	Ngân	CĐKS30N05	64.5	55.0	100.0	73.2	7.32
5	058	Phạm Thị Thái	Ngọc	CĐKS30N05	64.5	81.5	92.5	79.5	7.95
6	050	Nguyễn Thảo	Nguyên	CĐKS30N05	63.0	69.5	79.0	70.5	7.05
7	051	Nguyễn Thị Yên	Nhi	CĐKS30N05	50.0	80.0	80.0	70.0	7.00
8	052	Trần Thị Mỹ	Phương	CĐKS30N05	62.5	79.5	92.5	78.2	7.82
9	053	Mai Trung	Thiện	CĐKS30N05	76.5	67.5	69.0	71.0	7.10
10	054	Nguyễn Đăng Thanh	Trúc	CĐKS30N05	57.5	66.0	79.0	67.5	6.75
11	055	Trần Thị Kim	Tuyền	CĐKS30N05	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00
12	056	Phan Triệu	Vy	CĐKS30N05	63.5	65.0	65.0	64.5	6.45
13	057	Đỗ Tấn	Khang	CDKS30N06	73.0	72.0	100.0	81.7	8.17
14	059	Nguyễn Ngọc Hương	Lan	CDKS30N06	76.5	89.5	80.0	82.0	8.20
15	060	Nguyễn Thị Diễm	My	CDKS30N06	61.0	89.0	90.0	80.0	8.00
16	097	Nguyễn Võ Tuấn	Kiệt	CĐKS29N05	57.0	65.6	69.5	64.0	6.40

Tổng số sinh viên: 16

Vắng mặt: 01

Hiện diện: 15

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Quản trị khách sạn
Môn thi: Thực hành

Đợt thi: Tháng 03/2026

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm TB
					FO	F&B	HKP		
1	061	Dương Ngọc Kim	Ngân	CDKS30N06	71.5	65.0	78.0	71.5	7.15
2	062	Lâm Kiều	Ngân	CDKS30N06	66.5	0.0	69.5	45.3	4.53
3	063	Nguyễn Hoàng Yên	Nhi	CDKS30N06	55.5	83.5	74.5	71.2	7.12
4	064	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	CDKS30N06	69.0	68.5	91.5	76.3	7.63
5	065	Phùng Hạnh	Nhi	CDKS30N06	71.0	73.5	89.0	77.8	7.78
6	066	Huỳnh Lâm Anh	Thư	CDKS30N06	74.0	70.5	72.0	72.2	7.22
7	067	Trần Thu	Thủy	CDKS30N06	80.0	89.0	94.0	87.7	8.77
8	068	Nguyễn Hoài Thảo	Vy	CDKS30N06	78.5	84.5	80.0	81.0	8.10
9	069	Phan Nguyễn Thùy	Anh	CDKS30N07	75.5	67.1	86.0	76.2	7.62
10	070	Trương Quốc	Đạt	CDKS30N07	83.5	61.1	81.0	75.2	7.52
11	071	Nguyễn Ngọc	Hân	CDKS30N07	67.0	63.0	82.5	70.8	7.08
12	072	Mai Ngọc Kim	Khánh	CDKS30N07	62.0	68.0	77.5	69.2	6.92
13	073	Vũ Trần Nam	Son	CDKS30N07	81.5	63.5	67.5	70.8	7.08
14	074	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên	CDKS30N07	53.0	74.1	96.5	74.5	7.45
15	075	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trâm	CDKS30N07	56.0	82.5	91.0	76.5	7.65
16	101	Phạm Lê Thùy	Linh	CDKS30N01	75.5	86.0	89.5	83.7	8.37

Tổng số sinh viên: 16

Vắng mặt: 0

Hiện diện: 16

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Quản trị khách sạn
Môn thi: Thực hành

Đợt thi: Tháng 03/2026

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm TB
					FO	F&B	HKP		
1	076	Lê Thị Cẩm	Tú	CDKS30N07	63.5	61.1	79.0	67.9	6.79
2	077	Trần Văn	Vũ	CDKS30N07	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00
3	078	Nguyễn Quỳnh	Hương	CDKS30N08	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00
4	079	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	CDKS30N08	61.0	34.5	60.0	51.8	5.18
5	080	Đình Hoàng Hồng	Ngọc	CDKS30N08	42.0	48.5	69.0	53.2	5.32
6	081	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	CDKS30N08	69.5	41.0	80.5	63.7	6.37
7	082	Lê Thành	Tài	CDKS30N08	63.0	80.5	92.5	78.7	7.87
8	083	Nguyễn Thị Huyền	Trang	CDKS30N08	65.0	66.0	94.0	75.0	7.50
9	084	Nguyễn Thanh	Vĩ	CDKS30N08	45.5	51.0	80.0	58.8	5.88
10	085	Huỳnh Ngọc Khắc	Ân	CDKS30N09	76.0	73.0	95.0	81.3	8.13
11	086	Đình Việt	Hiệp	CDKS30N09	66.5	83.5	97.0	82.3	8.23
12	087	Võ Thị Kim	Hồng	CDKS30N09	47.0	64.0	58.0	56.3	5.63
13	088	Nguyễn Thị Trúc	Linh	CDKS30N09	72.0	54.0	64.5	63.5	6.35
14	089	Nguyễn Tuấn	Long	CDKS30N09	41.5	74.5	85.5	67.2	6.72
15	090	Ngô Thị Tâm	Từ	CDKS30N09	65.5	73.0	75.0	71.2	7.12
16	091	Trần Hữu	Trung	CĐKS29N15	66.0	57.6	81.5	68.4	6.84
17	092	Nguyễn Bình Yên	Nhi	CĐKS29N06	61.5	59.5	85.5	68.8	6.88

Tổng số sinh viên: 17

Vắng mặt: 02

Hiện diện: 15

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Hệ Cao đẳng - Quản trị khách sạn
Môn thi: Thực hành

Đợt thi: Tháng 03/2026

TT	SBD	Họ	Tên	Lớp	Điểm thi			Tổng điểm	Điểm TB
					FO	F&B	HKP		
1	093	Lê Thị Anh	Thư	CĐKS28N07	58.0	80.0	83.0	73.7	7.37
2	094	Đoàn Minh	Thư	CĐKS28N09	14.5	70.5	89.0	58.0	5.80
3	095	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	CĐKS29N01	67.5	79.5	82.5	76.5	7.65
4	096	Nguyễn Trung	Trực	CĐKS29N03	26.5	84.0	77.0	62.5	6.25
5	098	Nguyễn Hữu	Phát	CĐKS29N06	42.0	62.5	96.0	66.8	6.68
6	099	Lê Huỳnh	Như	CĐKS29N06	63.0	57.5	58.0	59.5	5.95
7	100	Nguyễn Hoàng Tâm	Nguyên	CĐKS30N01	63.0	74.0	79.5	72.2	7.22
8	101	Phạm Lê Thùy	Linh	CĐKS30N01	75.5	86.0	89.5	83.7	8.37
9	102	Vũ Nguyễn Nhật	Tân	CĐKS30N01	58.0	53.6	77.0	62.9	6.29
10	103	Nguyễn Mạnh	Trí	CĐKS30N01	73.5	77.6	90.0	80.4	8.04
11	104	Lê Anh	Thư	CĐKS29N08	53.5	80.6	92.0	75.4	7.54
12	105	Phạm Huỳnh Đoàn	Kiện	CĐKS30N04	58.5	32.6	69.5	53.5	5.35
13	106	Nguyễn Quốc Lê	Duy	CĐKS28N07	69.5	66.5	79.0	71.7	7.17

Tổng số sinh viên: 13

Vắng mặt: 0

Hiện diện: 13

NGƯỜI LẬP BẢNG

TP. ĐÀO TẠO